

Số: /2024/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”,
“Áp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”
trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy
định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình
văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình
số 1698/TTr-SVHTTDL ngày 27/6/2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại
Công văn số 1020/STP-XDKTVB ngày 29/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình
văn hóa”, “Áp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” áp dụng đối
với hộ gia đình; áp, khu phố; xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân
có liên quan đến hoạt động xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khu phố
văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Nguyên tắc, thời gian, thẩm quyền xét tặng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP
ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục,
hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã,
phường, thị trấn tiêu biểu”.

Điều 3. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu

1. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo
quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Áp, khu phố văn hóa” thực hiện
theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Cách thức đánh giá, bình xét các danh hiệu thi đua

1. Hộ gia đình được xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” khi có 100% các chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” theo quy định tại Phụ lục I của Điều 3 Quyết định này được đánh giá là “Đạt”.

2. Ấp, khu phố được xét tặng danh hiệu “Ấp, khu phố văn hóa” khi có 100% các chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Ấp, khu phố văn hóa” theo quy định tại Phụ lục II của Điều 3 Quyết định này được đánh giá là “Đạt”.

3. Xã, phường, thị trấn được xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” khi có 100% các chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” theo quy định tại Phụ lục III của Điều 3 Quyết định này được đánh giá là “Đạt”.

Điều 5. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” các cấp; các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phổ biến những nội dung của Quyết định này đến các cơ quan, đơn vị và Nhân dân trong tỉnh biết, tổ chức thực hiện.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Theo dõi, tổng hợp việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tỉnh có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ, đề nghị UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”. Đồng thời, dự toán kinh phí khen thưởng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” để chi trả theo quy định của pháp luật hiện hành”.

d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện công tác thống kê, báo cáo theo quy định.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí, đảm bảo kinh phí cho công tác khen thưởng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung văn bản quy phạm pháp luật về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” để người dân được tiếp cận, hiểu biết và thực hiện có hiệu quả.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ Quyết định này chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” tại địa phương theo quy định pháp luật.

b) Bố trí, bảo đảm kinh phí cho công tác triển khai thực hiện Quyết định này và khen thưởng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khu phố văn hóa” theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Áp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn cơ sở. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 25/11 hàng năm.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Vụ Pháp chế - Bộ VH,TT&DL;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXXH - HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các TC CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT&TH LA; Báo Long An;
- Các phòng, ban, trung tâm VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Mai.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Út

Phụ lục I
CHI TIẾT TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU
“GIA ĐÌNH VĂN HÓA”

(Kèm theo Quyết định số:/2024/QĐ-UBND ngày/7/2024 của UBND tỉnh)

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|---|---|--|----------|
| I. Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | 1. Các thành viên trong gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật | 100% các thành viên trong gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không bị xử lý kỷ luật tại nơi làm việc và học tập. | Đạt |
| | 2. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định | 2.1. Không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. | Đạt |
| | | 2.2. Thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. | Đạt |
| | 3. Bảo đảm thực hiện an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy | 3.1. Có cam kết giao ước thi đua xây dựng khu dân cư “An toàn về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy”; thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy. | Đạt |
| | | 3.2. Tích cực tham gia các mô hình Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự và phòng cháy, chữa cháy do địa phương phát động như: mô hình Camera an ninh, “Ánh sáng an ninh”. | Đạt |
| 4. Bảo đảm các quy định về độ ồn, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng theo quy định của pháp luật về môi trường | Không có hoạt động sử dụng âm thanh quá quy định gây bức xúc trong nhân dân và bị phản ánh nằm trong khung giờ trước 06 giờ sáng và sau 22 giờ đêm. | Đạt | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|---|--|--|----------|
| II. Tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương | 1. Tham gia các hoạt động nhằm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường của địa phương | 1.1. Các thành viên gia đình tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương; bảo vệ các di tích quốc gia đặc biệt; các di tích cách mạng - kháng chiến, di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, khảo cổ... của địa phương. | Đạt |
| | | 1.2. Có tham gia các câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp. | Đạt |
| | 2. Tham gia các phong trào từ thiện, nhân đạo; đền ơn đáp nghĩa; khuyến học khuyến tài và xây dựng gia đình học tập | 2.1. Tích cực tham gia đầy đủ các phong trào do ấp, khu phố phát động như các phong trào từ thiện, nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học khuyến tài... | Đạt |
| | | 2.2. Tham gia các Mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập” tại địa phương. | Đạt |
| | 3. Tham gia sinh hoạt cộng đồng ở nơi cư trú | 3.1. Các thành viên trong gia đình thực hiện tốt các nội quy trong hương ước, quy ước của ấp, khu phố. | Đạt |
| | | 3.2. Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; hội họp, đại đoàn kết toàn dân tộc tại nơi cư trú. | Đạt |
| | | 3.3. Các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, văn minh, ứng xử có văn hóa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. | Đạt |
| | 4. Tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức | 4.1. Thường xuyên tuyên truyền, vận động gia đình, người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sinh thái; tham gia trồng cây xanh, đường hoa, cây cảnh xung quanh nhà và nơi cư trú. | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|---|---|---|----------|
| | | 4.2. Các thành viên trong gia đình tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe. | Đạt |
| | | 4.3. Tích cực tham gia các phong trào thi đua: chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới; sản xuất, kinh doanh giỏi; “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”... | Đạt |
| | | 4.4. Gia đình có phương tiện nghe, nhìn và thường xuyên được tiếp cận thông tin kinh tế, văn hóa - xã hội. | Đạt |
| | | 4.5. Nhà ở ngăn nắp, sạch sẽ; khuôn viên nhà ở xanh, sạch, đẹp; cải tạo vườn tạp, không bỏ hoang đất sản xuất. | Đạt |
| | 5. Người trong độ tuổi có khả năng lao động tích cực làm việc và có thu nhập chính đáng | 100% thành viên trong gia đình trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có việc làm và thu nhập ổn định. | Đạt |
| | 6. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường | 100% trẻ em trong gia đình ở độ tuổi đi học được đến trường (cấp tiểu học). | Đạt |
| III. Gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; thường xuyên gắn bó, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ trong cộng đồng | 1. Thực hiện tốt Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình | 1.1. Có đăng ký thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình. | Đạt |
| | | 1.2. Ông, bà, cha, mẹ và các thành viên trong gia đình được quan tâm, chăm sóc, phụng dưỡng. | Đạt |
| | 2. Thực hiện tốt chính sách dân số, hôn nhân và gia đình | 2.1. Thực hiện hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, bình đẳng, hòa thuận, thủy chung. | Đạt |
| | | 2.2. Tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số sinh đủ 02 con, thực hiện nuôi dạy con tốt; tuyên truyền, vận động giáo dục chuyên đổi hành vi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|----------------|--|--|----------|
| | 3. Thực hiện tốt các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới | 3.1. Thực hiện tốt các quy định trong Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. | Đạt |
| | | 3.2. Không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau tiến bộ, cùng có trách nhiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan. | Đạt |
| | | 3.3. Các thành viên trong gia đình được tôn trọng, thực hiện quyền và nghĩa vụ như nhau; không phân biệt đối xử về giới, có cơ hội như nhau trong phát triển kinh tế - xã hội. | Đạt |
| | 4. Hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước/các loại hình tương tự hợp vệ sinh | 4.1. Thực hiện tốt việc giữ gìn vệ sinh môi trường, đổ rác và chất thải đúng quy định. | Đạt |
| | | 4.2. Không vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường. | Đạt |
| | | 4.3. Hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn và hệ thống cấp nước tập trung; có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ). | Đạt |
| | 5. Tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn | Tham gia giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, gia đình khó khăn, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam-dioxin và những người bất hạnh... | Đạt |

Phụ lục II**CHI TIẾT TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU
“ẤP, KHU PHỐ VĂN HÓA”***(Kèm theo Quyết định số:/2024/QĐ-UBND ngày/7/2024 của UBND tỉnh)*

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|--|--|--|-----------------|
| I. Đời sống kinh tế ổn định và phát triển | 1. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định | 1.1. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động từ 90% trở lên. | Đạt |
| | | 1.2. Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn thu nhập bình quân đầu người của xã, phường, thị trấn đó. | Đạt |
| | 2. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp | 2.1. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp hơn so với quy định chung của xã, phường, thị trấn đó. | Đạt |
| | | 2.2. Thực hiện tốt Phong trào thi đua “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”. | Đạt |
| | 3. Phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương | Có hoạt động phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về văn hóa, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật, thu hút trên 80% người dân tham gia. | Đạt |
| | 4. Tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức | 4.1. Có từ 85% trở lên hộ gia đình tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức. | Đạt |
| | | 4.2. Có từ 90% trở lên hộ gia đình tham gia cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội ở cộng đồng. | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|---|---|---|----------|
| | | 4.3. 100% đường áp, khu phố và đường liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; 100% đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (ít nhất có từ 70% được cứng hóa); có từ 70% đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. | Đạt |
| II. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú | 1. Nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách phục vụ cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của ấp, khu phố | Nhà Văn hóa - Khu Thể thao áp được tu bổ, tôn tạo, xây mới đảm bảo về diện tích quy hoạch $\geq 300m^2$, đảm bảo bố trí ≥ 100 chỗ ngồi, có đủ trang thiết bị cần thiết, có Ban Chủ nhiệm và đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ cộng đồng. | Đạt |
| | 2. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường | 2.1. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường (cấp tiểu học) đạt tối thiểu 98%. | Đạt |
| | | 2.2. Có tổ chức thực hiện phong trào “khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”. | Đạt |
| | 3. Tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh | 3.1. Có hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân ở ấp, khu phố. | Đạt |
| | 3.2. Tham gia đầy đủ các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng; các cuộc giao lưu, liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ; | Đạt | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|----------------|---|--|----------|
| | | giao hữu, thi đấu các môn thể thao do cấp xã tổ chức. | |
| | | 3.3. Duy trì hoạt động các loại hình Câu lạc bộ, nhóm sở thích; phát hiện bồi dưỡng năng khiếu văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em... | Đạt |
| | 4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội | 4.1. Có từ 90% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. | Đạt |
| | | 4.2. Không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan, không có các hủ tục lạc hậu. | Đạt |
| | | 4.3. 100% cơ sở, hộ kinh doanh dịch vụ cưới hỏi, dịch vụ mai táng thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang. | Đạt |
| | 5. Thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội | 5.1. 100% các vụ bạo lực gia đình, mâu thuẫn, bất hòa ở cộng đồng được tổ chức hòa giải đạt kết quả tốt. | Đạt |
| | | 5.2. Không để phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng; không có người sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại. | Đạt |
| | 6. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương | 6.1. Di sản văn hóa trên địa bàn ấp, khu phố được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. | Đạt |
| | | 6.2. Thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ văn hóa, | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|--|---|---|----------|
| | | thể thao nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. | |
| | | 6.3. Có hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương. | Đạt |
| | | 6.4. Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh và các công trình công cộng trên địa bàn. | Đạt |
| | | 6.5. Có từ 80% trở lên người dân được nâng cao mức hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. | Đạt |
| III. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp | 1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường | 1.1. $\geq 95\%$ các cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. | Đạt |
| | | 1.2. 100% Hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. | Đạt |
| | | 1.3. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm lớn (≥ 30 người mắc) trên địa bàn quản lý. | Đạt |
| | | 1.4. Có hệ thống cấp, thoát nước; có Tổ vệ sinh, thường xuyên quét dọn, thu gom, xử lý rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định; (đối với các ấp không có cụm, tuyến dân cư tập trung, cần tổ chức tốt việc vận động, hướng dẫn cho mỗi hộ gia đình đào hố | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|----------------|--|--|----------|
| | | thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải hợp vệ sinh). | |
| | 2. Thực hiện việc mai táng, hỏa táng (nếu có) đúng quy định của pháp luật và theo quy hoạch của địa phương | 2.1. 100% cơ sở dịch vụ mai táng thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang. | Đạt |
| | | 2.2. Việc quy hoạch và điều kiện vệ sinh nghĩa trang phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành. | Đạt |
| | | 2.3. Trên địa bàn không có nghĩa trang nhân dân thì UBND cấp xã hướng dẫn chôn cất người chết ở những nơi phù hợp. | Đạt |
| | | 2.4. Mai táng, hỏa táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục - tập quán và nếp sống văn minh hiện đại. | Đạt |
| | | 2.5. Vệ sinh trong mai táng, hỏa táng thực hiện theo đúng quy định của Bộ Y tế. | Đạt |
| | 3. Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ | 3.1. 100% các điểm vui chơi công cộng trên địa bàn ấp, khu phố thường xuyên được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ. | Đạt |
| | | 3.2. Các điểm vui chơi công cộng độc lập phải đảm bảo đạt 80% trang thiết bị, điều kiện cơ sở vật chất văn hóa phục vụ nhu cầu các hoạt động vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em. | Đạt |
| | 4. Tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh | 4.1. 100% hộ gia đình cam kết tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh. | Đạt |
| | | 4.2. Hộ gia đình tham gia trồng cây xanh công cộng tại | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|--|---|--|---|
| | | các ấp, khu phố, khu vui chơi; trồng hoa, cây xanh trong khuôn viên gia đình. | |
| | | 4.3. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn và hệ thống cấp nước tập trung ¹ > 45%, trong đó > 30% sử dụng từ hệ thống cấp nước tập trung ² . | Đạt |
| | | 4.4. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ³ ≥ 70%. | Đạt |
| | | 4.5. Không có hành vi lây truyền dịch bệnh; thường xuyên cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước; cải tạo các ao, hồ sinh thái. | Đạt |
| IV. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào thi đua | 1. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | 1.1. Định kỳ có tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương tới bà con nhân dân. | Đạt |
| của địa phương | trung là hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cho quy mô từ 30 hộ dân trở lên. | phục vụ sinh hoạt cho quy mô từ cấp ấp trở lên, gồm các hạng ống phân phối nước và các công trình phụ trợ có liên quan. | Đối với khu vực dân cư sinh hoạt phục vụ cho quy mô từ 30 hộ dân trở lên. |

¹ Hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cho quy mô từ cấp ấp trở lên, gồm các hạng mục công trình thu nước, xử lý nước, mạng lưới đường ống phân phối nước và các công trình phụ trợ có liên quan. Đối với khu vực dân cư sinh hoạt phục vụ cho quy mô từ 30 hộ dân trở lên.

Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình là công trình cấp nước sinh hoạt có quy mô cấp nước cho một hộ hoặc một vài hộ gia đình sử dụng, gồm các loại hình: Giếng khoan, giếng đào, lu, bể chứa, bình lọc nước hộ gia đình...

² Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ các nguồn (hệ thống cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình) trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá.

³ Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Được xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường, không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở, không gây mùi hôi, khó chịu; (2) Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân. Nhà tắm hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che; (2) Nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định. Thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Có dung tích đủ lớn; (2) Sử

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|----------------|---|--|----------|
| | | 1.2. Tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức thông qua việc tổ chức tốt tiếp xúc cử tri và đối thoại trực tiếp công dân với cấp lãnh đạo theo định kỳ. | Đạt |
| | | 1.3. Có từ 90% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. | Đạt |
| | 2. Tổ chức triển khai các phong trào thi đua của địa phương | Triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Phong trào “Chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào, cuộc vận động thi đua khác bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. | Đạt |
| | 3. Các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả | 3.1. 100% các tổ chức tự quản trên địa bàn ấp, khu phố phát huy vai trò tự chủ, tự quản của người dân tại cộng đồng dân cư. | Đạt |
| | | 3.2. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân phát huy quyền làm chủ theo đúng | Đạt |

dụng vật liệu không có thành phần độc hại; (3) Có nắp đậy kín; (4) vệ sinh bề định kỳ 3 tháng 1 lần. Hộ gia đình đảm bảo 3 sạch, gồm: (1) Sạch nhà; (2) sạch bếp; (3) sạch ngõ theo nội dung Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|----------------|--|--|----------|
| | | tinh thần Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở. | |
| | | 3.3. Có hương ước, quy ước của ấp, khu phố được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt; phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả. | Đạt |
| | | 3.4. Không để xảy ra các hoạt động: chống Đảng, chống chính quyền, phát hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng; tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật, hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự; mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân. | Đạt |
| | | 3.5. Không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không có công dân của ấp, khu phố phạm tội nghiêm trọng trở lên. | Đạt |
| | | 3.6. Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của ấp, khu phố gây ra ở cộng đồng. | Đạt |
| | | 3.7. Phản ánh kịp thời những đề xuất, kiến nghị của nhân dân, giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở; không để có khiếu kiện đông người trái pháp luật. | Đạt |
| | 4. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn đạt danh hiệu gia đình | 4.1. Có từ 85% hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, trong đó | Đạt |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|--|--|---|----------|
| | văn hóa | có ít nhất 65% gia đình văn hóa được công nhận 3 năm liên tục trở lên. | |
| | | 4.2. Đảm bảo nguyên tắc xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa khách quan, công bằng, chính xác và công khai. | Đạt |
| | 5. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình/ bạo lực trên cơ sở giới | 5.1. Thực hiện tốt Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới và Chính sách dân số. | Đạt |
| | | 5.2. Không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm; trên địa bàn áp, khu phố có xây dựng Câu lạc bộ phát triển bền vững và nhóm mô hình Phòng chống bạo lực gia đình. | Đạt |
| V. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng | 1. Thực hiện các Cuộc vận động, Phong trào thi đua yêu nước do trung ương và địa phương phát động | Thực hiện đầy đủ các chính sách của Nhà nước về các hoạt động nhân đạo, từ thiện và đẩy mạnh thực hiện phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, Phong trào “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và các cuộc vận động khác. | Đạt |
| | 2. Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn | 2.1. Tổ chức phát động và thực hiện tốt hoạt động “Nhân đạo từ thiện”, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, hỏa hoạn, gia đình gặp khó khăn, người cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam-dioxin và những người bất hạnh. | Đạt |
| | | 2.2. 100% gia đình chính sách, người có công với cách mạng, các đối tượng thuộc | Đạt |
| | | | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá |
|----------------|--|--|----------|
| | | <p>diện được hưởng trợ cấp theo quy định được quan tâm giúp đỡ, hoàn thành thủ tục và nhận trợ cấp xã hội đầy đủ.</p> | |
| | | <p>2.3. Có các hoạt động hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ thường xuyên của cộng đồng đối với đối tượng đặc biệt khó khăn; huy động sự đóng góp của cộng đồng, kịp thời cứu trợ, giúp đỡ thiết thực cho các đối tượng xã hội gặp khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống.</p> | Đạt |
| | <p>3. Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở</p> | <p>Có tổ chức tuyên truyền, vận động, triển khai phong trào học tập suốt đời, nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, “Công dân học tập” gắn với nội dung triển khai xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Ấp, Khu phố văn hóa” tại cơ sở.</p> | Đạt |

Phụ lục III**CHI TIẾT TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU
“XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TIÊU BIỂU”***(Kèm theo Quyết định số:/2024/QĐ-UBND ngày/7/2024 của UBND tỉnh)*

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá | |
|---|--|--|---|-------------------------|-----|
| I. Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao | 1. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác | 1.1. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. | Đạt | Công an tỉnh | |
| | | 1.2. Xây dựng và thực hiện tốt nếp sống văn minh nơi công cộng, trong các sinh hoạt tập thể, cộng đồng; không có tệ nạn phát sinh, giảm mạnh các tệ nạn xã hội hiện có. | Đạt | | |
| | | 1.3. Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định Khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”. | Đạt | | |
| | 2. Hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội | 2.1. Có mô hình kinh tế hợp tác và liên kết phát triển kinh tế xã hội (hợp tác xã, hội doanh nhân, doanh nghiệp...)⁴. | Đạt | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |
| | | | 2.2. Có hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút lao động việc làm, nâng cao thu nhập của người dân. | | Đạt |
| | | | 2.3. Có từ 85% trở lên hộ gia đình làm nông nghiệp trong xã được tuyên truyền, phổ biến khoa học - kỹ thuật về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. | | Đạt |
| | | | 2.4. Có từ 80% trở lên hộ gia đình tham gia các hình thức hợp tác phát triển kinh tế. | | Đạt |

⁴ Có quyết định thành lập mô hình, danh sách hoạt động chứng minh.

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá |
|---|--|--|----------|-------------------------|
| | | 2.5. Có từ 20% trở lên hộ gia đình phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập từ sản xuất nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ nông thôn. | Đạt | |
| | 3. Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng của địa phương | 3.1. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quân ủy Trung ương, chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu về thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn ⁵ . | Đạt | Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh |
| | | 3.2. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng xây dựng các mô hình về quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ. | Đạt | |
| | | 3.3. Quan tâm làm tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, nhất là đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành trong các tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng. | Đạt | |
| | | 3.4. Nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện huấn luyện “3 thực chất”, “3 sẵn sàng”, “4 tại chỗ” kết hợp tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực tiêu biểu”... | Đạt | |
| | | 3.5. Tích cực triển khai các hoạt động dân vận, chính sách như: Khám bệnh, cấp thuốc miễn phí, tặng quà cho người nghèo, học sinh nghèo vượt khó. | Đạt | |
| II. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển | 1. Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước | 1.1. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động từ 90% trở lên (đối với phường), 80% trở lên (đối với thị trấn), 70% trở lên (đối với xã). | Đạt | Sở Lao động - TB và XH |
| | | 1.2. Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước của huyện, thị xã, thành phố đó. | Đạt | Cục Thống kê tỉnh |

⁵ Có văn bản chứng minh

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá |
|---|--|---|----------|------------------------|
| | 2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của địa phương | Tổ chức phát động và thực hiện tốt Phong trào “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và các chương trình an sinh xã hội khác, góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của tỉnh. | Đạt | Sở Lao động - TB và XH |
| | 3. Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn trên địa bàn | 3.1. Triển khai thực hiện tốt các quy định về an toàn điện. | Đạt | Sở Công Thương |
| | | 3.2. 100% hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn được cung cấp đảm bảo nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất. | Đạt | |
| 4. Tổ chức, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hoạt động có hiệu quả các công trình công cộng, trường học, trạm y tế | | 4.1. 100% các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn được đưa vào sử dụng đúng mục đích, công năng, hoạt động đạt hiệu quả tốt. | Đạt | Sở Y tế |
| | | 4.2. Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: năm 2024 đạt 94%, từ năm 2025 đến năm 2030 đạt 95%, từ năm 2030 trở đi đạt trên 95%”. | Đạt | |
| | | 4.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 19\%$. | Đạt | |
| | | 4.4. Có từ 90% trở lên trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có ít nhất 60% trở lên số trường học trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn quốc gia. | Đạt | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| | | 4.5. Đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3. | Đạt | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá |
|--|---|--|----------|---------------------------------|
| | | 4.6. 90% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông (hoặc Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) và các trình độ của giáo dục nghề nghiệp. | Đạt | |
| | | 4.7. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt >50% đối với phường, thị trấn; >40% đối với xã. | Đạt | Sở Lao động - TB và XH |
| III. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú | 1. Tỷ lệ ấp, khu phố đạt danh hiệu “Ấp, khu phố văn hóa” trong năm | Có từ 85% trở lên ấp, khu phố được công nhận danh hiệu “Ấp, khu phố văn hóa” trong năm, trong đó ít nhất có 60% ấp, khu phố đạt 5 năm liên tục trở lên. | Đạt | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| | 2. Thiết chế văn hóa, thể thao có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả | 2.1. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn và 100% Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả. | Đạt | |
| | | 2.2. 100% ấp, khu phố trên địa bàn xã, phường, thị trấn có thành lập các Câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể thao và thường xuyên hoạt động hiệu quả. | Đạt | |
| | | 2.3. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn phải đảm bảo đủ các phòng chức năng theo quy định; thường xuyên bổ sung trang thiết bị, cập nhật các đầu sách, báo, tài liệu tuyên truyền các quy định của pháp luật... | Đạt | |
| | 3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc | Có 90% số hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị theo các quy định của trung ương, địa phương và quy ước của ấp, khu phố. | Đạt | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá |
|---|---|--|----------|-----------------------------|
| | cưới, việc tang, lễ hội | | | |
| | 4. Bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương | 4.1. Di sản văn hóa trên địa bàn xã, phường, thị trấn thường xuyên được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. | Đạt | |
| 4.2. Thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. | | Đạt | | |
| 4.3. Có hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương. | | Đạt | | |
| 4.4. Thực hiện tốt công tác bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh và các công trình công cộng trên địa bàn. | | Đạt | | |
| 4.5. Có từ 80% trở lên người dân được nâng cao mức hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. | | Đạt | | |
| IV. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp | 1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ | 1.1. $\geq 95\%$ các cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. | Đạt | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| | | 1.2. Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy. | Đạt | Công an tỉnh |
| | | 1.3. Tổ chức phát động phong trào thi đua xây dựng khu dân cư “An toàn về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy”; xây dựng các mô hình Camera an ninh, “Ánh sáng an ninh”. | Đạt | |

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá |
|--|---|--|----------|------------------------|
| | 2. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch tại địa phương | 2.1. Tổ chức quản lý nhà nước đối với nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ và của tỉnh. | Đạt | Sở Xây dựng |
| 2.2. Quy hoạch nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được thực hiện theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. | | Đạt | | |
| 2.3. Đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phục vụ cho nhiều địa phương, sử dụng hình thức táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm tối đa đất, kinh phí xây dựng và đảm bảo yêu cầu môi trường và cảnh quan xung quanh. | | Đạt | | |
| 2.4. Khoảng cách an toàn môi trường từ hàng rào nghĩa trang tới khu dân cư, công trình công cộng phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng. | | Đạt | | |
| | 3. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung | 3.1. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn và hệ thống cấp nước tập trung ⁶ $\geq 45\%$, trong đó $\geq 30\%$ sử dụng từ hệ thống cấp nước tập trung ⁷ . | Đạt | Sở Nông nghiệp và PTNT |

⁶ Hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cho quy mô từ cấp áp trở lên, gồm các hạng mục công trình thu nước, xử lý nước, mạng lưới đường ống phân phối nước và các công trình phụ trợ có liên quan. Đối với khu vực dân cư thưa thớt, phân bố không tập trung thì hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước sinh hoạt phục vụ cho quy mô từ 30 hộ dân trở lên.

Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình là công trình cấp nước sinh hoạt có quy mô cấp nước cho một hộ hoặc một vài hộ gia đình sử dụng, gồm các loại hình: Giếng khoan, giếng đào, lu, bể chứa, bình lọc nước hộ gia đình...

⁷ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ các nguồn (hệ thống cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình) trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá |
|--|--|--|---|-----------------------------|
| | | 3.2. $\geq 70\%$ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ). | Đạt | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| | | 3.3. 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm lớn (≥ 30 người mắc) trên địa bàn quản lý. | Đạt | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| | 4. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | 4.1. Có ít nhất 50% tuyến đường xã, đường ấp và các khu vực công cộng được trồng cây xanh, cây bóng mát. | Đạt | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| | | 4.2. Có ít nhất 30% tuyến đường ấp được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý; các tuyến kênh, rạch chảy qua các khu dân cư tập trung phải được vệ sinh, phát quang; không có tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung. | Đạt | |
| | | 4.3. Có ít nhất 30% tuyến đường ấp được trồng hoa hoặc cây cảnh; có ít nhất 50% số hộ thực hiện chỉnh trang nhà ở, có cổng hàng rào. | Đạt | |
| | V. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | 1. Tuyên truyền, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | 1.1. 90% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. | Đạt |
| 1.2. Thực hiện tốt việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thực hiện các chính sách xã hội theo đúng quy định. | | | Đạt | |
| 1.3. Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng; không có công | | | Đạt | Sở Xây dựng |

hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá.

| Tên tiêu chuẩn | Khung tiêu chuẩn | Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng | Đánh giá | Cơ quan đánh giá |
|----------------|---|--|----------|---------------------------------------|
| | | trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế, tháo dỡ. | | |
| | | 1.4. Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ văn hóa được xây dựng theo quy hoạch, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật; không có cơ sở tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại. | Đạt | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| | 2. Triển khai dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định | 2.1. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt tỷ lệ Chính phủ giao hàng năm. | Đạt | Văn phòng UBND tỉnh |
| | | 2.2. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt tỷ lệ Chính phủ giao hàng năm. | Đạt | |
| | 3. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương | 3.1. 100% ấp, khu phố xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước cộng đồng; có tổ tự quản hoạt động thường xuyên; mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp, trái pháp luật. | Đạt | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh |
| | | 3.2. Tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức thông qua việc tổ chức tốt tiếp xúc cử tri và đối thoại trực tiếp công dân với cấp lãnh đạo theo định kỳ. | Đạt | |
| | 4. Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | 4.1. Triển khai thực hiện hiệu quả các tiêu chí quy định về Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. | Đạt | Sở Tư pháp |
| | | 4.2. Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. | Đạt | |

